

Bản án số: 17/2017/DS-ST
Ngày: 21/6 /2017
V/v: Đòi tài sản “Tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nông Thị Duyên
2. Ông Lã Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2016/TLST-DS ngày 05/10/2016 về việc: *Đòi tài sản “Tiền”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2017/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tống Thị K - Sinh 1964

Địa chỉ: Tổ MB, phường NX, thành phố CB, Cao Bằng. Có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Thủy - Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Thủy – Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- Bị đơn: Bà Tống Thị M - Sinh 1959

Tạm trú tại: Tổ S, phường NX, thành phố CB, Cao Bằng.

(Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

- Người làm chứng:

1. Tống Minh T - Sinh 1956

TT: Tổ MB, phường NX, thành phố CB. Có mặt.

2. Tống Minh S - Sinh 1952

TT: Tổ MB, phường NX, thành phố CB. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/8/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Tống Thị K trình bày: Giữa Bà và bà Tống Thị M là chị em gái ruột, thời gian từ năm 2003 đến 2010 tôi đã giao hàng cho bà M, để bà M đem đi bán các chợ huyện để kiếm lời, còn tiền gốc thì bà M sẽ trả lại cho tôi. Tuy nhiên bà M sau khi bán hàng xong lần thì trả đủ tiền cho tôi, lần thì còn nợ lại. Cụ thể số tiền còn nợ lại như sau :

Năm 2003 còn nợ là 17.437.000đ.

Hàng giao đi Đông Khê bị âm là 1.030.000đ

Hàng còn nợ ngày 15/4/1997 là 6.575.000đ

Tiền bán vải hẹp đen năm 2010 là 848.000đ

Năm 2005 lấy hàng đi bán đông Khê còn nợ lại là 441.000đ

Tổng cộng số tiền nợ các khoản trên là: 27.232.000đ. *(Hai mươi bảy triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng)*. Đến ngày 27/6/2016 bà M có trả cho tôi được số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*. Nay bà M còn nợ tôi số tiền 25.232.000đ *(Hai mươi năm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng)*. Tôi yêu cầu chị M phải trả cho tôi số tiền còn nợ, không yêu cầu tính lãi xuất. Lý do nợ lâu rồi nhưng tôi chưa kiện ra tòa về việc bà M còn nợ là do nghĩ tình chị em, hơn nữa nghĩ bà M cũng khó khăn như tôi. Tuy nhiên tháng 5/2016 bà M đã bán nhà đi được hơn 01 tỷ đồng, nhưng bà chỉ trả cho tôi được 02 triệu. Sự việc bà M còn nợ tiền tôi có 2 anh trai chúng tôi là Tống Minh T và Tống Minh S biết rõ, vì mấy anh em chúng tôi đều sống gần nhà nhau, hơn nữa tổ trưởng tổ khu phố cũng như một số hàng xóm đều biết rất rõ. Nay tôi yêu cầu tòa án xem xét buộc bà M phải trả cho tôi số tiền còn nợ lại là 25.232.000đ *(Hai mươi năm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng)*. Không yêu cầu tính lãi xuất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp, giải thích về quyền và nghĩa vụ cho bà M rất nhiều lần nhưng bà M vẫn không trình bày bản tự khai, không cho Tòa án tiến hành lấy lời khai, chỉ nhất trí ký vào biên bản giao nhận giấy báo của Tòa án. Do đó Tòa án không thể tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay luật sư Nguyễn Thị Thủy có bài phát biểu: Căn cứ vào đơn khởi kiện tại phiên tòa, lời khai trong quá trình tố tụng tại tòa của bà K, người làm chứng Tống Minh T, Tống Minh S cũng như các chứng cứ đã được bà K nộp tại Tòa có đủ căn cứ để khẳng định bà M còn nợ bà K với số tiền là 25.232.000đ *(Hai mươi năm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn)*. Nay yêu cầu Hội đồng xét xử xử buộc bà M phải trả lại số tiền còn nợ lại cho bà K.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:* Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, qua giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Thấy rằng từ khi nhận đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã quá hạn về thời hạn xét xử là 32 ngày. Các đương sự cũng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện

kiểm sát Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, 473, 474 và Điều 477 - Bộ luật dân sự 2005. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Tổng Thị K. Buộc bà M phải hoàn trả số tiền còn nợ lại cho bà K.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp, giải thích về quyền và nghĩa vụ cho bà M rất nhiều lần nhưng bà M vẫn không trình bày bản tự khai, không đồng ý cho Tòa án tiến hành lấy lời khai, chỉ nhất trí ký vào biên bản giao nhận giấy báo + Quyết định đưa vụ án ra xét xử của tòa án. Do đó Tòa án không thể tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải được. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Tổng Thị M.

Về nội dung: Thời gian từ năm 2003 đến 2010 bà K đã cung cấp các mặt hàng tạp hóa cho bà M, để bà M đi bán các chợ huyện để kiếm lời, còn tiền gốc thì bà M sẽ trả lại cho bà K. Tuy nhiên bà M sau khi bán hàng xong đã không T toán đầy đủ cho bà K. Cụ thể số tiền còn nợ lại như sau:

Năm 2003 còn nợ là 17.437.000đ

Hàng giao đi Đông Khê bị âm là 1.030.000đ

Hàng còn nợ ngày 15/4/1997 là 6.575.000đ

Tiền bán vải hẹp đen năm 2010 848.000đ

Năm 2005 lấy hàng đi bán đông Khê còn nợ 441.000đ

Tổng cộng số tiền nợ các khoản trên là: 27.232.000đ. *(Hai mươi bảy triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng)*. Đến ngày 27/6/2016 bà M có trả cho bà K được số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*. Nay bà M còn nợ số tiền 25.232.000đ *(Hai mươi năm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng)*. Mặc dù số tiền nợ của bà M đối với bà K không được lập bằng văn bản vay nợ, không có sự ký nhận trên sổ sách, nhưng việc bà M còn nợ lại số tiền 25.232.000đ *(Hai mươi năm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng)* đã được bà K theo dõi ghi chép trên sổ sách và có ông Tổng Minh T và Tổng Minh S là hai người anh trai của bà K và bà M đều biết rất rõ, khi bà K trực tiếp lên nhà bà M để chốt số tiền còn nợ lại thì có ông T và ông S cùng trực tiếp đi cùng đến đòi và chứng kiến chốt nợ. Tại buổi trao đổi đó bà M đã thừa nhận số tiền còn nợ lại. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2017 và tại phiên tòa hôm nay hai người làm chứng ông T và ông S đều cam đoan là được chứng kiến khi bà K đến đòi nợ và thông báo cho bà M biết số tiền còn nợ lại, giữa hai bên chốt số nợ với nhau, thì cả hai ông T và ông S đều được cùng có mặt và tham gia chứng kiến, vì cả mấy anh em đều sinh sống cùng tổ khu phố. Hơn nữa tại biên bản xác minh ngày 09/5/2017 ông

Hoàng Mạnh H tổ trưởng Tổ MB, phường NX, thành phố CB nơi trước đây bà M và bà K còn sinh sống cũng xác nhận bản thân ông cũng là người biết rõ việc bà K là người cung cấp hàng hóa để bà M đem đi chợ huyện bán kiếm lời, với số tiền còn nợ lại 25.232.000đ (*Hai mươi năm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng*), ông cũng được chứng kiến và biết rất rõ bà K đòi nợ bà M nhiều lần, thậm trí bà K còn có yêu cầu tổ dân phố đứng ra tổ chức đòi giúp. Do vậy ông H cũng khẳng định số tiền bà M vẫn còn nợ lại là đúng sự thật, bản thân ông cũng cho rằng đối tượng Tống Thị M sinh sống tại địa phương là đối tượng không chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng và Pháp luật của Nhà Nước. Ông cũng đề nghị Tòa án xử buộc bà M phải trả lại số tiền còn nợ cho bà K theo đúng quy định của pháp luật. Từ những nhận định trên có đủ căn cứ để chấp nhận đơn yêu cầu kiện đòi tài sản “Tiền” của bà Tống Thị K đối với bà Tống Thị M với số tiền còn nợ lại là 25.232.000đ (*Hai mươi năm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng*) là phù hợp với Điều 471, 473, 474, 477 - Bộ luật dân sự 2005. Tại phiên tòa hôm nay bà K cũng không yêu cầu bà M phải trả lãi xuất đối với số tiền còn nợ lại, do vậy hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết về phần lãi xuất đối với số tiền trên.

Việc bà Tống Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần, được giải thích về quyền và nghĩa vụ, nhưng bà M vẫn không ra tham gia tố tụng, việc bà không tham gia tố tụng là bà tự tước đi việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Do vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tống Thị M.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 11 của số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án. Bà Tống Thị K được miễn nộp tiền tạm án phí sơ thẩm dân sự để sung công quỹ nhà nước.

Bà Tống Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% của số tiền phải thanh toán cho bà K là 1.261.600đ (*Một triệu hai trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng*) để sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 471, 473, 474 và Điều 477 - Bộ luật dân sự 2005;
- Khoản 5 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 5 Điều 11 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí lệ phí tòa án.
- Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2, 9 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

* Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu đòi tài sản “Tiền” của bà Tống Thị K đối với bà Tống Thị M.

* Buộc bà Tổng Thị M phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ 25.232.000đ (*Hai mươi năm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng*) cho bà Tổng Thị K (Trú tại: Tổ MB, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Tổng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải thanh toán cho bà K là $25.232.000đ \times 5\% = 1.261.600đ$ (*Một triệu hai trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng*) để sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được việc tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CB
- VKSND TPCB
- THADS TPCB
- Đường sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Như